

Số: /BC-STC

Hà Nam, ngày tháng năm 2025

**BÁO CÁO**  
**Giá thị trường tháng 04 năm 2025**

Kính gửi: Cục Quản lý Giá - Bộ Tài chính

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường;

Sở Tài chính tỉnh Hà Nam báo cáo tình hình giá thị trường tháng 04 năm 2025 như sau:

**I. Tổng quan về tình hình thị trường, giá cả tháng 04 năm 2025.**

1. Diễn biến chỉ số giá tiêu dùng trong tháng 04/2025:

DVT: %

|                                          | Chỉ số giá tháng báo cáo so với: |                                    |                                    |
|------------------------------------------|----------------------------------|------------------------------------|------------------------------------|
|                                          | Kỳ gốc 2019                      | Tháng 04/2025 so với tháng 04/2024 | Tháng 04/2025 so với tháng 03/2025 |
| <b>CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG</b>              | <b>118,55</b>                    | <b>102,81</b>                      | <b>100,07</b>                      |
| I. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống, trong đó: | 124,48                           | 104,22                             | 100,19                             |
| 1. Lương thực                            | 138,09                           | 102,96                             | 98,56                              |
| 2. Thực phẩm                             | 121,86                           | 104,89                             | 100,56                             |
| 3. Ăn uống ngoài gia đình                | 125,14                           | 102,32                             | 100,00                             |
| II. Đồ uống và thuốc lá                  | 109,79                           | 100,04                             | 99,94                              |
| III. May mặc, giày dép và mũ nón         | 117,26                           | 101,24                             | 99,88                              |
| IV. Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD  | 124,72                           | 102,05                             | 100,47                             |
| V. Thiết bị và đồ dùng gia đình          | 114,32                           | 103,38                             | 100,36                             |
| VI. Thuốc và dịch vụ y tế                | 128,98                           | 116,51                             | 100,01                             |
| VII. Giao thông                          | 106,57                           | 90,83                              | 98,77                              |
| VIII. Bưu chính viễn thông               | 97,21                            | 99,97                              | 100,00                             |
| IX. Giáo dục                             | 106,97                           | 101,30                             | 100,00                             |

|                                 |               |               |               |
|---------------------------------|---------------|---------------|---------------|
| X. Văn hoá, giải trí và du lịch | 103,86        | 100,03        | 99,91         |
| XI. Hàng hóa và dịch vụ khác    | 119,44        | 104,72        | 100,06        |
| <b>Chỉ số giá vàng</b>          | <b>267,00</b> | <b>142,00</b> | <b>110,84</b> |
| <b>Chỉ số giá đô la Mỹ</b>      | <b>111,67</b> | <b>103,23</b> | <b>100,85</b> |

## 2. Phân tích thực trạng, nguyên nhân của các yếu tố tác động đến CPI

- Theo số liệu của Cục Thống kê Hà Nam, Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) các mặt hàng tháng 04/2025 tăng 0,07% so với tháng 03/2025, tăng 2,81% so với tháng 04 năm trước, trong đó:

+ Có 05 nhóm chỉ số tăng so với tháng trước: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,19%; Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD tăng 0,47%; Thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,36%; Thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,01%; Hàng hoá và dịch vụ khác tăng 0,06%.

+ Có 04 nhóm chỉ số giảm so với tháng trước: Đồ uống và thuốc lá giảm 0,06%; May mặc, giày dép và mũ nón giảm 0,12%; Giao thông giảm 1,23%; Văn hoá, giải trí và du lịch giảm 0,09%.

+ 02 nhóm chỉ số giá ổn định so với tháng trước: Bưu chính viễn thông; Giáo dục.

+ Chỉ số giá vàng tăng 10,84% so với tháng trước.

+ Chỉ số giá đô la Mỹ tăng 0,85% so với tháng trước.

## 3. Thống kê mức giá hàng hóa, dịch vụ (có Phụ lục kèm theo).

## II. Tình hình thực hiện công tác quản lý, điều tiết giá

1. Phối hợp với các ngành thực hiện định giá tài sản trong tổ tụng hình sự theo quy định.

2. Theo dõi sát diễn biến tình hình giá cả thị trường và thực hiện công tác báo cáo giá cả thị trường về UBND tỉnh và Cục quản lý giá - Bộ Tài chính.

3. Tăng cường công tác tham mưu về giá đất đảm bảo sát với thị trường đối với các dự án theo quy định.

## III. Dự báo giá thị trường

Dự báo diễn biến mặt bằng giá thị trường và giá một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu: Dự kiến các mặt hàng trên thị trường tương đối ổn định, không có sự biến động lớn về giá. Giá vàng, đô la Mỹ, giá xăng dầu, giá gas biến động theo giá thị trường trong nước và thế giới.

## IV. Giải pháp, biện pháp quản lý, điều tiết giá

Theo dõi, cập nhật thông tin diễn biến giá cả thị trường trên địa bàn tỉnh. Trong trường hợp có biến động lớn về giá, căn cứ quy định tại Luật Giá 2023, kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh các biện pháp bình ổn giá theo quy định của pháp luật.

Trên đây là báo cáo giá thị trường tháng 04 năm 2025 trên địa bàn tỉnh Hà Nam./.

***Nơi nhận:***

- Cục Quản lý Giá (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố;
- Công TTĐT Sở Tài chính;
- Lưu: VT, QLG&TCS.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Trung Dũng**